TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **24**/2025/QĐST- DS	*Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 457/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng",

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**** Nguyên đơn*: - Ngân hàng TMCP V1 (V2)**

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: **Ông Ngô Chí D** – Chủ tịch Hội đồng Quản trị V2. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Văn H – Chuyên viên xử lý nợ theo văn bản ủy quyền số 1971/2024/UQ-LCC-KHCNMB1 ngày 10/12/2024.

- Công ty Cổ phần M

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. (Theo Hợp đồng mua bán nợ số 16/2024/VPB-MARS ngày 24/12/2024 giữa Ngân hàng TMCP V1 với Công ty Cổ phần M). Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T – Giám đốc Công ty. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T1 – Phó Giám đốc Công ty. Ủy quyền lại cho bà Phạm Thị D1 – Chuyên viên xử lý nợ theo Văn bản ủy quyền số 29/2024 ngày 08/01/2025.

**** Bị đơn:* - Ông Đào Anh T2,** sinh năm: 1970**;** HKTT: Số C ngách A K,

quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Bà Lê Thanh N, sinh năm: 1980; HKTT: Số H ngõ C T, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Chị Đào Ngọc L, sinh năm 2004

- Chị Đào Phương A, sinh năm 2006

- Cháu Đào Tú V, sinh ngày 04/6/2020 (do ông T2 và bà N đại diện)

Cùng trú tại: Số H ngõ C T, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP V1 và ông Đào Anh T2, bà Lê Thanh N đã thống nhất và xác nhận tạm tính đến ngày 20/01/2025 ông Đào Anh T2 và bà Lê Thanh N còn nợ Ngân hàng TMCP V1 và Công ty Cổ phần M theo Hợp đồng cho vay LN2301308211401 ngày 16/02/2023 và Hợp đồng cho vay số LN2303288760473 ngày 07/4/2023 tổng số tiền là: 674.024.623 đồng. Ông Đào Anh T2 và bà Lê Thanh N phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M và V2 tổng số tiền 674.024.623 đồng (trong đó, Nợ gốc: 432.392.392 đồng, N1 lãi trong hạn: 35.941.308 đồng; Nợ lãi quá hạn: 192.245.161 đồng; Lãi chậm trả: 13.445.825 đồng), trong đó:

- Buộc Ông Đào Anh T2 và bà Lê Thanh N phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M (90% Hợp đồng tín dụng) tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/01/2025 là: 606.622.161 đồng (*Sáu trăm linh sáu triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, một trăm sáu mươi mốt đồng*) (trong đó, Nợ gốc: 389.153.096 đồng, N1 lãi trong hạn: 32.347.178 đồng; Nợ lãi quá hạn: 173.020.644 đồng; Lãi chậm trả: 12.101.243 đồng)

- Buộc Ông Đào Anh T2 và bà Lê Thanh N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 (10% Hợp đồng tín dụng) tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/01/2025 là: 67.402.462 đồng (*Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm linh hai nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng*) (trong đó, Nợ gốc: 43.239.233 đồng, N1 lãi trong hạn: 3.594.131 đồng; Nợ lãi quá hạn: 19.244.516 đồng; Lãi chậm trả: 1.344.582 đồng).

Về lộ trình trả nợ: Ông Đào Anh T2 và bà Lê Thanh N cam kết thanh toán toàn bộ số tiền trên vào ngày 10/3/2025 thì nguyên đơn sẽ giảm một phần lãi cho bị đơn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 20/01/2025, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với các quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, trường hợp hợp đồng tín dụng, các

bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trường hợp ông Đào Anh T2 và bà Lê Thanh N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và toàn bộ lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xác minh tài sản của ông T2, bà N để thi hành án là Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số: (163-4 + 163-5)-3; (163-4+163-5)-4; tờ bản đố số 6G-IV-33; địa chỉ: Số H Ngõ C T, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD999579 , Số vào sổ cấp GCN:CS-ĐĐ 02034 do Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 27/06/2016. Ngày 02/02/2021 tại Văn phòng Đ – Chi nhánh K đã đăng ký sang tên cho ông Đào Anh T2.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì tất cả những người đang sinh sống trên đất hoặc những người đang có tên trong sổ hộ khẩu thường trú trên đất thế chấp đều phải có nghĩa vụ chấp hành việc thi hành án.

Về án phí: Ngân hàng TMCP V1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền ***21.467.748 đồng (Hai mươi mốt triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm bốn mươi tám đồng)*** tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0078537 ngày 25/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa.

- Ông Đào Anh T2 và bà Lê Thanh N tự nguyện chịu ***15.480.492 đồng (Mười lăm triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng)*** án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án dân sự cùng cấp;

THẨM PHÁN

- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Hường